ベトナム語

Linh vật PR hình hoa thủy tiên – Himata-kun
ヒマ太くん　町花ＰＲキャラクター

Cách vứt rác thải sinh hoạt chính xác năm 2025　令和７年度家庭ごみの正しい出し方

(Tháng 4/2025 – Tháng 3/2026) TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG THỊ TRẤN KAITA 海田町環境センター　082-823-4601

Vui lòng phân loại chính xác rác được quy định và vứt trước 8:30 sáng vào ngày quy định tại địa điểm quy định. ゴミは決められた日に決められたものを正しく分別して決められた場所に朝 8 時 30 分までに出してください。

Vui lòng hợp tác giảm bớt sự lãng phí thực phẩm!! * Lãng phí thực phẩm là những thực phẩm vẫn còn ăn được nhưng bị vứt bỏ.　・Chỉ mua đúng số lượng có thể sử dụng hết　・Cố gắng nghĩ cách bảo quản thịt và cá
・Kiểm tra nguyên liệu, thực phẩm đã có ở nhà　・Không nấu quá nhiều! Nếu còn dư thì chế biến thành món khác!! 食品ロス削減にご協力下さい!! ※食品ロスとは、まだ食べられるのに捨てられる食品のことです。・使い切れる分だけ買う　・肉や魚の保存方法を工夫する　・家にある食材・食品をチェックする　・調理で作りすぎない！余ったら別の献立に変身!!

ĐIỂM THU GOM RÁC 収集場所	PHÂN LOẠI 種別	NGÀY THU GOM 収集日	RÁC CÓ THỂ VỨT 出せる物	VÍ DỤ CỤ THỂ 具体例	LƯU Ý KHI VỨT 出す時の注意
Vui lòng vứt tại Trạm vứt rác cháy được 可燃ごみステーションに出してください	**Rác cháy được** 可燃ごみ	Vui lòng vứt vào ngày thu gom rác của khu vực dựa trên bảng ngày thu gom rác cháy được dưới đây. **Thứ　,** **hằng tuần** 下の可燃ごみ収集日の表を参考に地区の曜日でお出しください 毎週　,　曜日	**Rác nhà bếp** 台所ごみ Giấy vụn, gỗ vụn, các loại đồ nhựa, băng video, băng cát-sét không tái chế được, khác 再生できない紙くず、木くず、プラスチック類、ビデオテープ、カセットテープ、その他	Rác nhà bếp 生ごみ Giấy vụn 紙くず Gỗ vụn, cỏ (Cắt thành khúc trong khoảng 50cm rồi buộc chặt) 木くず・草 Thảm ghép trải sàn ジョイントマット Thuốc クスリ Hộp đựng bằng nhựa (Chậu trồng cây hình chữ nhật, chậu hoa, v.v... từ 50cm trở xuống) プラスチック容器 (50cm 以下のプランターや鉢等) Cát vệ sinh ペットの砂 Miếng bọt biển スポンジ Thú nhồi bông (Không có kim loại) ぬいぐるみ Cát-sét, băng video, CD カセット・ビデオテープ・CD Giày, cặp くつ・かばん Vỏ trứng, vỏ sò 卵のから・貝がら Tã giấy (Loại bỏ chất bẩn bên trong) 紙おむつ Xô bằng nhựa plastic ポリバケツプラスチック	○ Không vứt trong túi màu đen, túi giấy. 黒い袋･紙袋では出せません。 ○ Vui lòng cho vào túi trong suốt hoặc túi trong mờ có thể thấy được vật bên trong và cột chặt miệng túi. 中味が見える透明または半透明の袋に入れ、袋の口は、かたくしばってください。 ○ Đối với rác nhà bếp, vui lòng để ráo hết nước trước khi vứt. 生ごみは水分をよく切って出してください。 ○ Đối với gỗ vụn của nhánh cây, v.v..., vui lòng cắt thành khúc khoảng 50cm, buộc lại và vứt từng chút với số lượng nhỏ (tối đa 2 túi) (độ dày 1 cây từ 5cm trở xuống). (Để vứt số lượng lớn gỗ vụn của nhánh cây, vui lòng trực tiếp chuyển đến Trung tâm vệ sinh Aki.) せん定木くずなどは、５０㎝程度に切り、束ねて少量（2 袋まで）ずつ出して下さい。　（１本の太さ５㎝以下のもの） （大量のせん定木くずは、安芸クリーンセンターに直接搬入して下さい。） ○ Những tấm vải trải giường và lưới có chiều dài hơn 50 cm vào loại rác cồng kềnh. シート類、網類など広げたら 50cm 以上になる物は大型ごみで出して下さい。 ○ Đối với dầu ăn, vui lòng thấm hút vào vải, giấy hoặc làm đông lại. 食用油は布・紙に吸わせるか固形化して下さい。 ○ Đối với các loại dây, vui lòng cắt thành đoạn từ 50cm trở xuống. (Nếu không cắt được thì được xem là rác cồng kềnh) ひも類は 50cm 以下に切ってください。（切らない場合は大型ごみ） ○ Vui lòng vứt băng cát-sét, băng video và CD của tôi vào rác cháy được. カセットテープ、ビデオテープ、CD などのディスク類は可燃ごみで出してください。
	Rác chôn lấp 埋立ごみ	**Thứ tư** **của tuần thứ 1, 3, 5** **hằng tháng** 毎月第 1･3･5 水曜日 **Không thu gom vào ngày lễ.** 祝日の収集はありません。	**Các loại sành sứ** 陶器類 **Các loại thủy tinh** ガラス類 **Tro** 灰 **Khác** その他	Đồ sứ せともの Tấm kính 板ガラス Tro 灰 (làm ướt bằng nước) Nồi đất 土鍋 Bóng đèn sợi đốt 白熱電球 Cốc コップ Thủy tinh chịu nhiệt 耐熱ガラス Đất trồng 鉢土 Chai lọ mỹ phẩm 化粧品ビン	○ Vui lòng đổ nước vào tro rồi cho vào túi để tro không bị bay. (Về nguyên tắc, cấm hành vi đốt rác tại nhà) 灰は、飛び散らないように水を含ませて袋に入れて下さい。 (家庭でのごみの焼却は、原則禁止されています) ○ Vui lòng tháo nắp chai lọ mỹ phẩm, v.v... trước khi vứt. Không vứt trong túi màu đen, túi giấy. 化粧品ビンなどはふたをはずして出して下さい。黒い袋･紙袋では出せません ○ Nếu doanh nghiệp cải tạo, v.v... nhà bạn, hãy để doanh nghiệp xử lý rác. 家の改装等を業者が行った場合は、業者に処分させて下さい。 ○ Vui lòng vứt tấm kính dài từ 50cm trở lên vào loại rác cồng kềnh. 板ｶﾞﾗｽで 50 以上のものは大型ごみで出して下さい。 ○ Vui lòng cho đất trong chậu cây vào tối đa 2 túi rồi vứt. 植木鉢の土は 2 袋まで袋に入れて出して下さい ○ Vui lòng không đóng túi lại.　袋は閉めないで下さい
	Rác tài nguyên 資源物	**Thứ tư** **của tuần thứ 2, 4** **hằng tháng** 毎月第２・４水曜日 **Không thu gom vào ngày lễ.** 祝日の収集はありません。	**Chỉ khay trắng** 白色トレイのみ	Khay trắng 白トレイ Khay màu 着色トレイ Khay chịu nhiệt 耐熱トレイ Khay đựng Natto 納豆トレイ Ngày thu gom khay trắng 白トレイの収集日 9, 23/4 ｜ 14, 28/5 ｜ 11, 25/6 9, 23/7 ｜ 13, 27/8 ｜ 10, 24/9 8, 22/10 ｜ 12, 26/11 ｜ 10, 24/12 14, 28/1 ｜ 25/2 ｜ 11, 25/3	○ Không vứt trong túi màu đen, túi giấy. 黒い袋･紙袋では出せません ○ Vui lòng cho vào túi **trong suốt** hoặc túi **trong mờ** có thể thấy được vật bên trong và cột chặt miệng túi. 中味が見える透明または半透明の袋に入れ、袋の口は、かたくしばってください。 ○ Vui lòng rửa sạch khay trắng thực phẩm, v.v... bằng nước trước khi vứt. (Cố gắng không nhầm với Trạm vứt rác tài nguyên.) 食品などの白色トレイはきれいに水洗いをして出して下さい。 (資源回収ステーションと間違わないようにして下さい) ○ Đối với khay màu, vui lòng sử dụng dịch vụ thu gom tại các cửa hàng như siêu thị, v.v... 着色トレイは、スーパーなどの店頭回収をご利用ください。 ○ Tháng 2 chỉ thu gom rác vào ngày 25/2 (thứ tư). (Không thu gom rác vào ngày 11/2 vì là ngày lễ.) 2 月は 25 日（水）のみです。2 月 11 日は祝日のため収集はありません。

Ngày thu gom rác cháy được 可燃ゴミの収集日

Rác cháy được được thu gom vào cả ngày lễ. (Những loại rác khác không được thu gom vào ngày lễ.) 可燃ごみは祝日も収集します。（その他のごみは祝日収集はありません。）

Thứ hai và thứ năm hằng tuần 毎週月・木曜日	Minami-showa-machi, Showa-naka-machi, Higashi-showa-machi, Akebono-machi, Hinode-machi, Tsukimi-machi (trừ Tsukimi-kenei), Minamihon-machi, Saiwai-machi, Minamisaiwai-machi, Kanihara 1 chome, Kanihara 2 chome, Narimoto, Ishihara, Une 1 chome, Une 2 chome, Sunabashiri, Hamakado, Terasako 1 chome, Misako 1 chome, Misako 2 chome, Misako 3 chome
Thứ ba và thứ sáu hằng tuần 毎週火・金曜日	Taisho-machi, Minami-taisho-machi, Horikawa-machi, Minami-horikawa-machi, Tsukumo-machi, Minami-tsukumo-machi, Myojin-machi, Minami-myojin-machi, Sakae-machi, Tsukimi Kenei , Shin-machi, Inari-machi, Nakamise, Terasako 2 chome, Soda, Kuninobu 1 chome, Kuninobu 2 chome, Kubo-machi, Showa-machi, Odate-machi, Nishihama, Inaba, Higashi 1 chome, Higashi 2 chome, Kamiichi

Lịch thu gom rác vào ngày đầu năm và cuối năm 年末・年始のごみ収集日程

Chúng tôi sẽ thu gom rác cháy được tại khu vực thu gom thứ hai và thứ năm vào ngày 29/12 (thứ hai), và tại khu vực thu gom thứ ba và thứ sáu vào ngày 30/12 (thứ ba).　12 月 29 日（月）は、月・木曜日の収集地区、12 月 30 日（火）は、火・金曜日の収集地区の可燃ごみを収集します。

Chúng tôi ngừng toàn bộ hoạt động thu gom rác từ ngày 31/12 (thứ tư) đến ngày 4/1 (chủ nhật). Kể từ ngày 5/1 (thứ hai), chúng tôi sẽ bắt đầu thu gom rác cháy được tại thu vực thu gom thứ hai và thứ năm. 12 月 31 日（水）から 1 月 4 日（日）までは全ての収集業務を休みます。1 月 5 日（月）より月・木日地区の可燃ごみ収集を開始します。

ベトナム語

Vứt rác trái phép là vi phạm pháp luật. ごみの不法投棄は犯罪です。 法律で 5 年以下の懲役または 1000 万円以下の罰金に処せられます。
Những người vứt rác trái phép sẽ bị phạt tối đa 5 năm tù, hoặc phạt tiền tối đa 10 triệu yên theo luật.

ĐIỂM THU GOM RÁC 収集場所	PHÂN LOẠI 種別	NGÀY THU GOM 収集日	RÁC CÓ THỂ VỨT 出せる物	VÍ DỤ CỤ THỂ 具体例	LƯU Ý KHI VỨT 出す時の注意
Vui lòng vứt tại Trạm vứt rác tài nguyên 資源回収ステーションに出してください	**Rác tài nguyên** 資源物	**Mỗi tháng 1 lần** **12 lần/năm** 年 12 回 毎月 1 回 Vui lòng tham khảo bảng ngày thu gom dưới đây. 下の収集日表を参考にしてください。 4 5 6 7 8 9 10 11 12 1 2 3	**Các loại lon, kim loại** 缶・金属類 **Chai thủy tinh** ガラスビン **Các loại giấy, vải** 紙･布類 **Chai nhựa PET** ペットボトル **Khác** その他	Lon nhôm, lon thép アルミ缶・スチール缶 Lon đựng kẹo, hộp đựng trà お菓子の缶・茶筒 Bình xịt (Sử dụng hết) スプレー缶 Lon đồ hộp (Rửa bằng nước) 缶詰の缶 Ấm nước, nồi やかん・鍋 Chai rỗng (Rửa bằng nước, tháo nắp) 空びん Dù 傘 Các loại quần áo, vải cũ 着・布類 Chảo フライパン Chăn 毛布類 Vở, báo, sách, tạp chí ノート 新聞・本・雑誌 Giấy hỗn hợp 雑がみ Hộp giấy đựng đồ uống (Rửa và hong khô) 飲料用紙パック（洗って乾かす） Chai nhựa PET ペットボトル Các-tông ダンボール (Đề nghị) Vì lon, bình tạo ra âm thanh ồn ào, nên vui lòng tránh vứt vào đêm khuya. Vui lòng vứt các loại giấy vào buổi sáng để tránh bị lấy đi hoặc phóng hỏa. (お願い)ビン・カンは音がうるさいので、深夜には出さないでください。 紙類は持ち去りや放火の原因になりますので、朝出してください。	◯ Chăn và khăn chăn là rác có rác tài nguyên. 毛布・タオルケットは、資源物です。 ◯ Vui lòng sử dụng hết bình xịt và không đục lỗ trước khi vứt. スプレー缶は、使い切って穴を空けずに出して下さい。 ◯ Cốc và thủy tinh chịu nhiệt vui lòng vứt vào loại rác chôn lấp. 耐熱ガラスやコップは埋立ごみで出して下さい。 ◯ Vui lòng tháo nắp và nhãn nhôm quấn quanh cổ bình rỗng và phân thành 3 loại (không màu, màu nâu, khác).* Vui lòng không trộn lẫn các loại sành sứ và chai lọ mỹ phẩm. 空ビンは、キャップや首に巻いたアルミシールを取り三種類(無色・茶色・その他)に分けて下さい。 ※陶器類、化粧ビンは絶対に混ぜないでください。 ◯ Vui lòng gom lần lượt giấy báo, sách, tạp chí (giấy hỗn hợp), thùng các-tông lại rồi cột lại bằng dây theo hình chữ thập, và tách riêng ra để vứt. 新聞紙、本、雑誌（雑がみ）、ダンボールは、それぞれにまとめてひもで十文字にしばって別々に分離して出して下さい。 ◯ Đối với chai nhựa PET (có dấu), vui lòng bóc nhãn, tháo nắp, rửa bằng nước rồi vứt. (Đập bẹp chai từ 20ℓ trở lên rồi vứt vào rác cháy được.) (Nắp chai là rác cháy được, bạn vui lòng hợp tác tham gia chiến dịch sử dụng nắp sinh thái.) ペットボトル（ の印があるもの）は、ラベルをはがし、キャップを取り水洗いして出して下さい。（20ℓ 以上はつぶして可燃ごみへ）（キャップは可燃ごみですが、エコキャップ運動にもご協力ください） ◯ Vui lòng cắt mở, rửa bằng nước và hong khô hộp giấy đựng đồ uống. 飲料用紙パックは開いて水洗いし乾燥させて下さい。 ◯ Đối với các loại vải, vui lòng vứt trong túi trong suốt và trong mờ. 布類は透明・半透明の袋で出してください。 ※ Số tiền thu được từ việc bán rác tài nguyên (lon, giấy báo, quần áo, v.v...) là thu nhập của thị trấn và sẽ trở thành chi phí phân phối cho Hội tự trị và để xử lý rác, vì vậy vui lòng hợp tác với chúng tôi trong việc thu gom rác tài nguyên. Nghiêm cấm việc lấy rác tài nguyên (lon, giấy báo, quần áo, v.v...). 資源物（缶･新聞紙･衣類他）の売払金は町の収入として、自治会への配布やごみ処分の費用となっていますので、資源物の収集にご協力ください。資源物（缶･新聞紙･衣類他）の持ち去りは禁止しています。
	Rác độc hại 有害ごみ	**12 lần/năm** 年 12 回 16/4 21/5 18/6 16/7 20/8 17/9 15/10 19/11 17/12 21/1 18/2 18/3	**Pin khô** 乾電池 **Các loại đèn huỳnh quang** 蛍光管類 **Các loại nhiệt kế** 温度計類	Pin khô 乾電池 Nhiệt kế 温度計 Đèn LED, đèn huỳnh quang LED ,蛍光管 Nhiệt kế thủy ngân 水銀体温計 Pin sạc loại nhỏ (NiCd, lithium-ion, v.v...) 小型充電式電池（ニカド、リチウムイオン等） Pin cúc áo ボタン電池	◯ Vui lòng bọc giấy các loại đèn huỳnh quang để tránh bị vỡ. 蛍光管類はわれないように紙カバーを付けて出してください。 ◯ Đối với pin, này hoặc cho vào núi nilon trong suốt để vứt. 電池は、出されるときは透明なビニール袋に入れてください。 ◯ Đối với pin sạc loại nhỏ (Ni-Cd, Li-ion, Ni-MH), hãy dán băng keo nhựa lên các điện cực và vứt chúng riêng biệt với các loại pin khô khác. 小型充電式電池（ニカド、リチウムイオン、ニッケ水素）は電極部分にビニールテープを張り、他の乾電池と分けて出してください。
Vui lòng vứt tại Trạm vứt rác tài nguyên 資源回収ステーションに出してください	**Rác cồng kềnh** 大型ごみ	**6 lần/năm** 年 6 回 Vui lòng tham khảo bảng ngày thu gom ở trang trước. 前 P の収集日表を参考にしてください。	**Các loại đồ gia dụng** 家具類 **Sản phẩm đồ điện gia dụng** 家電品 **Các loại giường ngủ** 寝具類 **Khác** その他	Tủ タンス Ghế, sofa イス・ソファー Thảm trải sàn カーペット Chiếu tatami (1 hoặc 2 tấm) 畳（1～2 枚） Bàn sưởi kotatsu こたつ Lò vi sóng, bếp gas 電子レンジ, ガスコンロ Gối zabuton 座布団 Can đựng dầu hỏa 灯油缶 Chăn futon, nệm ふとん, マットレス Quạt máy 扇風機 Dụng cụ trượt tuyết スキー Máy hút bụi そうじ機 Chiếu rơm ござ Xe đạp 自転車 Xe ba bánh, xe đẩy em bé 三輪車・乳母車 Màn カーテン	◯ Những món có một cạnh đại khái từ 50cm trở lên 一辺がおおむね 50 ㎝以上のもの ◯ Vui lòng cột màn lại theo hình chữ thập rồi vứt. カーテンは十文字にしばって出して下さい。 ◯ Đối với các loại gỗ, vui lòng cắt thành chiều dài từ 150cm trở xuống. (Chỉ với những món có độ dày từ 15cm trở xuống) 木材類は、長さ 150cm 以内にして下さい。（太さ 15cm 以内の物に限る） ◯ Vui lòng loại bỏ hết dầu hỏa ra khỏi lò sưởi, v.v... trước khi vứt. ストーブ等の灯油は抜いて出してください。 ◯ Kích cỡ và trọng lượng sao cho hai người có thể nhấc lên được 二人で積み込みができる大きさ、重さ ◯ Đối với đồ vật có bộ phận là kim loại và từ 50 cm vuông trở xuống, vui lòng phân thành rác tài nguyên thu hồi (các loại kim loại) để vứt. 金属を含むもので 50 ㎝四方以下のものは資源回収品（金属類）として出してください。 ◯ Vui lòng không vứt chung thảm điện, chăn điện với những loại thảm, chăn, chăn futon khác. 電気カーペット・電気毛布は、ほかのカーペット・毛布・布団とは別にして出してください。

ベトナム語

Ngày thu gom rác tài nguyên 資源物回収日 (Những ô được tô màu là ngày biểu thị ngày thu gom có sự thay đổi so với thông thường). (塗りつぶしは、原則的な収集日を変更した日)													Khu vực thu gom (Vui lòng hỏi những người xung quanh để biết khu vực thu gom tương ứng của bạn) 収集地区(どの地区に該当するか近隣の方に問い合わせてください)	Rác cồng kềnh 大型ごみ					
Tháng 4 4月	Tháng 5 5月	Tháng 6 6月	Tháng 7 7月	Tháng 8 8月	Tháng 9 9月	Tháng 10 10月	Tháng 11 11月	Tháng 12 12月	Tháng 1 1月	Tháng 2 2月	Tháng 3 3月	NGÀY 日							
1	12	3	1	5	2	7	4	2	6	3	3	Thứ ba của tuần thứ 1 hằng tháng	Terasako 1, 2 chome (trừ GRANZO KAITA), Inaba, Higashi 1, 2 chome	25/4	27/6	22/8	24/10	26/12	27/2
8	13	10	8	12	9	14	11	9	13	10	10	Thứ ba của tuần thứ 2 hằng tháng	Misako 1, 2, 3 chome, Higashi 1-3, 7, 8 và khu phố của nó						
15	20	17	15	19	16	21	18	16	20	17	17	Thứ ba của tuần thứ 3 hằng tháng	Kanihara 1, 2 chome, Saiwaimachi	11/4	13/6	8/8	10/10	12/12	13/2
22	27	24	22	26	30	28	25	23	27	24	24	Thứ ba của tuần thứ 4 hằng tháng	Nishihama, Odatemachi						
2	7	4	2	6	3	1	5	3	7	4	4	Thứ tư của tuần thứ 1 hằng tháng	Kuninobu 1, 2 chome, Sunabashiri, Soda	18/4	20/6	15/8	17/10	19/12	20/2
9	14	11	9	13	10	8	12	10	14	9	11	Thứ tư của tuần thứ 2 hằng tháng	Nakamise, Kamiichi, Ichigashira, Higashikaita Kenei						
16	21	18	16	20	17	15	19	17	21	18	18	Thứ tư của tuần thứ 3 hằng tháng	Shin-machi, Inarimachi	4/4	6/6	1/8	3/10	5/12	6/2
23	28	25	23	27	24	22	26	24	28	25	25	Thứ tư của tuần thứ 4 hằng tháng	Narimoto, Ishihara, Une 1 chome (Yamaune*)						
3	1	5	3	7	4	2	6	4	8	5	5	Thứ năm của tuần thứ 1 hằng tháng	Hamakado, Asahidanchi, gần Akebigawa, Misako 1 chome (gần 27, Himawari Town), Terasako 2 chome (chỉ dành cho GRANZO KAITA)	16/5	18/7	19/9	21/11	23/1	17/3
10	8	12	10	14	11	9	13	11	15	12	12	Thứ năm của tuần thứ 2 hằng tháng	Kubomachi, Tsukumomachi, Minamitsukumomachi, Myojinmachi, Minamimyojinmachi						
17	15	19	17	21	18	16	20	18	22	19	19	Thứ năm của tuần thứ 3 hằng tháng	Horikawamachi, Taishomachi, Showamachi	2/5	4/7	5/9	7/11	9/1	6/3
24	22	26	24	28	25	23	27	25	29	26	26	Thứ năm của tuần thứ 4 hằng tháng	Minamihorikawamachi, Sakaemachi, Minamitaishomachi						
4	2	6	4	1	5	3	7	5	9	6	6	Thứ sáu của tuần thứ 1 hằng tháng	Akebonomachi, Minamishowamachi	23/5	25/7	26/9	28/11	30/1	27/3
11	9	13	11	8	12	10	14	12	16	13	13	Thứ sáu của tuần thứ 2 hằng tháng	Showanakamachi, Hinodemachi, Une 1, 2 chome (trừ Yamaune*)						
18	16	20	18	15	19	17	21	19	23	20	31	Thứ sáu của tuần thứ 3 hằng tháng	Minamisaiwaimachi, Tsukimimachi	9/5	11/7	12/9	14/11	16/1	13/3
25	23	27	25	22	26	24	28	26	30	27	27	Thứ sáu của tuần thứ 4 hằng tháng	Higashishowamachi, Minamihonmachi						

* Vào tháng 5, 9, 1, 2, 3, có những khu vực sẽ có thay đổi về ngày thu gom so với thông thường.
※5月、9月、1月、2月、3月は原則的な収集日を変更している地区があります。

* Yamaune chủ yếu đề cập 3 đến 12, và một số khu vực 13 và 15 của Une 1 chome.
※山畝とは、概ね、畝 1 丁目 3～12、13 と 15 の一部を指します。

* Vào tháng 1, 3, có những khu vực sẽ có thay đổi về ngày thu gom so với thông thường.
※1 月、3 月は原則的な収集日を変更している地区があります。

Cách vứt giấy hỗn hợp 雑紙の出し方

“Giấy hỗn hợp” là gì?

「雑がみ」とは…

Giấy hỗn hợp là các loại giấy có thể tái chế được, ngoại trừ thùng các-tông, giấy báo, hộp giấy, v.v... (Ví dụ: giấy vẽ, lịch, giấy gói kẹo, lõi giấy, hộp khăn giấy bằng giấy, hộp giấy đựng kẹo hoặc quà)

ダンボール、新聞紙、紙パック等以外の資源化できる紙類のことです。（例：画用紙・カレンダー・菓子折・紙の芯・紙のティッシュ箱・お菓子、ギフトの紙箱）

Vào ngày thu gom rác tài nguyên mỗi tháng 1 lần, vui lòng kẹp rác hỗn hợp vào giữa tạp chí, hoặc buộc lại bằng dây, hoặc cho vào túi giấy rồi buộc lại, sau đó vứt chung với “tạp chí”.

月１回の資源物回収日に、雑誌の間にはさんだり、まとめてひもでしばったり、紙袋に入れてしばって「雑誌」といっしょに出してください。

Rác hỗn hợp không vứt được
出せない雑がみ

Giấy có dính mùi hay thực phẩm, nhựa vinyl, kim loại (ví dụ: hộp đựng chất tẩy rửa, hộp đựng nhang), giấy bẩn, tã giấy, đĩa giấy, hình ảnh, tem chuyển phát nhanh, bưu phẩm có ghi thông tin cá nhân, v.v...

においや食品・ビニール・金具のついたもの（例：洗剤・線香の箱）・汚れたもの・紙おむつ・紙皿・写真・個人情報が記載されている郵便物・宅配便の伝票等

Cách vứt nắp sinh thái エコキャップの出し方

Chúng tôi đang hợp tác với chiến dịch nắp sinh thái.
エコキャップ運動に協力しています。

Đây là hoạt động thu gom nắp chai nhựa PET vốn được xem như là rác để đốt, rồi bán cho doanh nghiệp tái chế, sau đó quyên góp số tiền thu được để mang đến vắc-xin cho trẻ em trên toàn thế giới. Chúng tôi đã đặt thùng thu gom tại mỗi cơ sở trong thị trấn Kaita. Mong nhận được sự ủng hộ của mọi người.

この活動は、ごみとして焼却していたペットボトルのキャップを集めリサイクル業者に買い取って頂き、この売却益を世界の子どもたちにワクチンを届けるお金として寄付する活動です。海田町の各施設に回収ボックスを設置しています。ご協力をお願いします。

Vị trí của các hộp thu gom nắp sinh thái
エコキャップ回収箱設置場所

・Tòa nhà Oda Mikio Square ・Trung tâm Cộng đồng Kaita Higashi
・Himawari Plaza ・Trung tâm cộng đồng ・Thư viện ・Furusato-kan
・Trung tâm phúc lợi ・Trung tâm Hinoura
・織田幹雄スクエア・海田東公民館・ひまわりプラザ
・町民センター・図書館・ふるさと館・福祉センター
・ひのうらセンター

(Đề nghị khi vứt nắp)

1. Tuyệt đối không cho thứ gì khác vào ngoại trừ nắp nhai nhựa PET. (Nắp chai đồ uống dinh dưỡng, mayonnaise cũng không được.)
2. Vui lòng gỡ nhãn (chẳng hạn như nhãn dùng trong các chiến dịch, v.v...) ra.
3. Vui lòng rửa nắp bằng nước và hong khô trước khi vứt.

（キャップを出すときのお願い）

１、ペットボトルのキャップ以外は絶対に入れないでください。（栄養ドリンクやマヨネーズのキャップはダメです。）
２、シール（キャンペーン用など）は必ずはがしてください。
３、キャップは水洗いして乾かして出してください。

ベトナム語

Các loại rác thị trấn không thu gom　町では収集しません		
Danh mục 4 đồ điện gia dụng, v.v... 家電 4 品目等	* Tiền phí tái chế sẽ khác nhau tùy vào nhà sản xuất, vui lòng xác nhận nhà sản xuất rồi **mua vé tại bưu điện**. Ngoài ra, nếu có điểm chưa rõ, vui lòng liên hệ Trung tâm Môi trường (082-823-4601). ※ 製造メーカーによってリサイクル料金が違いますのでメーカーを確認の上、**郵便局で購入**してください。 なお、不明な点は環境センター(082-823-4601)までお問合せ下さい。 Máy điều hòa: ¥990 エアコン; Tivi màn hình CRT, tivi màn hình LCD, tivi màn hình plasma: từ 15 inch trở xuống ¥1,870, từ 16 inch trở lên ¥2,970 ブラウン管式テレビ・液晶式テレビ・プラズマ式テレビ; Tủ lạnh (bao gồm tủ đông): từ 170 lít trở xuống ¥3,740, từ 171 lít trở lên ¥4,730 冷蔵庫(冷凍庫を含む); Máy giặt, Máy sấy: ¥2,530 洗濯機・衣類乾燥機 (Giá trong năm 2023 của các nhà sản xuất sản phẩm điện gia dụng lớn. Đã bao gồm thuế tiêu thụ.) (Phí chuyển khoản qua bưu điện sẽ được yêu cầu riêng.) (主要家電メーカーR5 年度価格　消費税込み)(郵便局振込手数料は別途要)	
	Cửa hàng bán lẻ **小売店,** Okayamaken Kamotsu (Hiroshima-shi Naka-ku Kounan 6-1-16 TEL 082-243-8111), Saino Unyu (Hiroshima-shi Naka-ku Kounan 5-1-43 TEL 082-545-9071) *Trung tâm Môi trường Thị trấn Kaita Center　海田町環境センター　　* Vui lòng trả 2.500 yên phí vận chuyển mỗi món 運搬費用 1 台あたり 2,500 円を支払ってください。	
Máy tính パソコン	"Đối với máy tính, vui lòng tham khảo Sách hướng dẫn cách vứt rác thải sinh hoạt (cũng có thể xem trên trang chủ của thị trấn Kaita), hoặc liên hệ Trung Tâm Môi trường Thị trấn Kaita" 「パソコンについては家庭ごみの出し方ガイドブック（海田町 HP にもあります）をご覧いただくか、海田町環境センターへお問い合せください」	
Rác kinh doanh 事業ごみ	Rác sinh ra từ các hoạt động kinh doanh như cửa hàng, nhà hàng, tiệm cắt tóc nam nữ, văn phòng, bệnh viện, nhà máy, v.v... 商店・飲食店・理美容院・事務所・病院・工場等事業活動に伴って生じるごみ	Đối với rác thải thông thường, vui lòng yêu cầu doanh nghiệp được thị trấn Kaita cấp phép vận chuyển thu gom rác thải thông thường trong thị trấn đến thu gom. (Để biết những doanh nghiệp nào được cấp phép, vui lòng liên hệ Trung tâm Môi trường. Thông tin này cũng được ghi trên trang chủ thị trấn Kaita.) 一般廃棄物は町で許可を受けた海田町一般廃棄物収集運搬許可業者へ収集を依頼してください。 （許可業者は、環境センターにお尋ねください。 海田町ホームページにも記載しています。）
Lượng rác lớn cùng một lần 一時多量ごみ	Rác được tạo ra khi chuyển nhà, cắt tỉa cây cối trong vườn, đất cát, chiếu tatami khi thay thế, v.v... 引越・庭木の剪定・土砂・入替時の畳等	
Khác その他	Ắc quy バッテリー Xe máy, xe tay ga バイク・スクーター Phụ tùng ô tô 自動車部品 Hộp đựng sơn có chất chứa bên trong 中身のある塗料缶 Hóa chất nông nghiệp, thuốc liều mạnh 農薬, 劇薬 Bình chữa cháy 消火器 Lốp タイヤ Bình xăng xách tay ガソリン携行缶 Bình gas ガスボンベ Các loại cửa 建具 Rác thải xây dựng 建築廃材 Vật liệu xi măng セメント材 Máy hút ẩm có chất làm mát, quạt điều hòa, máy làm nước lạnh, cây nước nóng lạnh, tủ cất rượu 冷媒のある除湿器・冷風機・冷水器・ウォーターサーバー・ワインセラー Bàn thờ Phật và các đồ dùng thờ Phật Bàn thờ Thần đạo, đồ dùng thờ 仏壇・仏具 神棚、神具、神徒壇 Màn hình máy tính パソコンのモニター Bóng bowling ボーリングの球 Khối bê tông ブロック Đá 石 Rác thải công nghiệp 産業廃棄物 Thuốc lá dạng đốt nóng (thuốc lá điện tử) 加熱式タバコ（電子タバコ） Két sắt (không bao gồm két sắt mini) 金庫（手持ち金庫は除く）	Vui lòng tham khảo cửa hàng nơi bạn mua, doanh nghiệp tháo dỡ hoặc doanh nghiệp được thị trấn Kaita cấp phép vận chuyển thu gom rác thải thông thường. 購入した店・解体業者、海田町一般廃棄物収集運搬許可業者へ相談してください。 Bình chữa cháy: khi xử lý bình chữa cháy, vui lòng liên hệ địa điểm sau đây. Hiệp hội Thiết bị chữa cháy tỉnh Hiroshima (TEL 0120-72-3830) 消火器：処分するときは、次のところに相談してください。 広島県消防機器同業組合 (TEL 0120-72-3830) * Không thu gom các vật dụng do cửa hàng kinh doanh tự thu gom (ví dụ như thảm tảo cát, v.v...) ※事業所が自主回収しているものは回収しません（例 珪藻土マット他）
Vận chuyển trực tiếp 直接搬入　Không vứt trong túi màu đen, túi giấy. Vui lòng mang theo những giấy tờ có thể dùng để xác nhận địa chỉ của bạn. (Cư dân trong thị trấn: bằng lái xe, thẻ My Number, thẻ lưu trú, Cửa hàng kinh doanh: danh thiếp, v.v...) 黒い袋･紙袋では出せません。 住所の確認できるものを持参してください。（町民：免許証・マイナンバーカード・在留カード、事業所：名刺など）		
Địa điểm 場所	Trung tâm Môi trường thị trấn Kaita 海田町環境センター Kaita-cho Kuninobu 2-18-1　TEL 082-823-4601	Trung tâm vệ sinh Aki 安芸クリーンセンター Aki-gun Saka-cho 1322-8　TEL 082-885-2538
Loại rác ごみの種類	Lượng rác lớn cùng một lần của hộ gia đình, rác kinh doanh (trừ rác thải công nghiệp) 家庭で出た一時多量ごみ・事業ごみ（産業廃棄物を除く）	Rác cháy được, rác cồng kềnh cháy được của gia đình, văn phòng vứt ra (trừ rác thải công nghiệp) 家庭・事業所で出た可燃ごみ・可燃性大型ごみ（産業廃棄物を除く）
Mục lưu ý 注意事項	Vui lòng trực tiếp chuyển **rác cháy được (túi 45L, từ 3 túi trở lên)** đến **Trung tâm vệ sinh Aki**. (Ví dụ: tối đa 2 chăn futon, tối đa 2 chăn, tối đa 1 đồ nội thất làm bằng gỗ (không có gắn kính), rác cắt tỉa, v.v... được bao gồm trong rác cháy được.) **可燃ごみ（45ℓ の袋で 3 個以上）**は**安芸クリーンセンター**へ直接搬入してください。 （例：ふとんは 2 枚まで、毛布は 2 袋まで、木製家具は 1 個まで（ガラスがついていないもの）、剪定ごみ等は、可燃ごみに含みます。） Vui lòng phân loại rác trước. Trung tâm có thể sẽ yêu cầu bạn mang về nếu rác chưa được phân loại. あらかじめ分別してください。 分別されていないごみは、持ち帰っていただくことがあります。 Rác không cháy được và rác không cháy được kích thước lớn (không bao gồm rác thải công nghiệp) từ gia đình và văn phòng có thể được mang trực tiếp vào. 家庭、事務所で出た不燃ごみ、不燃性大型ごみ（産業廃棄物を除く）を直接搬入できます。	Vui lòng phân loại rác thông thường và rác cồng kềnh khi chuyển vào. 普通ごみと大型ごみは分別して搬入してください。 Bạn sẽ không thể chuyển vào nếu để trộn lẫn rác tài nguyên và rác không cháy được. 資源物や不燃性のものが混じっていると搬入できません。 Vui lòng cắt ống, dây thành đoạn từ 50cm trở xuống. ホース･ひも等は 50 ㎝以下に切ってください。
Thời gian chuyển vào 搬入時間	Ngày thường 平日 9:00-12:00/13:00-16:00, Thứ bảy 土曜日 9:00-11:30 Tuy nhiên, thời gian tiếp nhận cho ngày cuối năm là 9:00-12:00/13:00-15:00 ただし、年末最終日の受付時間は 9:00-12:00,13:00-15:00 Không tiếp nhận vào chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ bù, ngày cuối năm và đầu năm (ngày 28/12 ~ 4/1) 日・祝・振休・年末年始（12/28～1/4）は受け付けていません。	Ngày thường 平日 8:30-12:00/13:00-16:30 土・日・祝・振休・年末年始（12/29～1/3）は受け付けていません。 Không tiếp nhận vào thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ bù, ngày cuối năm và đầu năm (ngày 29/12 ~ 3/1)

<Về việc thu gom đồ điện gia dụng loại nhỏ>　<小型家電回収について>

Địa điểm đặt thùng thu gom: tòa nhà Oda Mikio Square, Trung tâm Cộng đồng Kaita Higashi, trung tâm mua sắm Himawari Plaza, trung tâm phúc lợi, thư viện, Furusato-kan
　回収 BOX 設置場所：織田幹雄スクエア　海田東公民館　ひまわりプラザ　福祉センター　図書館　ふるさと館

Kích cỡ có thể vứt: các vật có thể bỏ vừa vào miệng thùng thu gom có kích thước 15 cm x 31 cm　出せる大きさ：１５ｃｍ×３１ｃｍの投入口に入る大きさ

Loại có thể vứt: điện thoại di động, máy tính xách tay, điện thoại bàn, radio, máy ảnh kỹ thuật số, đèn cảm biến, máy nghe nhạc (DVD, CD, MD), máy tính bỏ túi, máy sấy tóc, máy chơi game cầm tay, đồng hồ, khác
　出せるもの　：携帯電話　ノートパソコン　電話機　ラジオ　デジカメ　センサーライト　プレーヤー（DVD、CD、MD）　電卓　ドライヤー　小型ゲーム機　時計他

Hãy chắc chắn rằng bạn đã xóa hết tất cả các thông tin cá nhân　個人情報は必ず消去してください

Nếu pin lithium hoặc pin lithium-ion có thể tháo rời, hãy nhớ tháo nó ra trước khi vứt bỏ vì nó có thể gây hỏa hoạn. (Vui lòng vứt bỏ pin lithium-ion và pin khô như chất thải nguy hại)
　火事の原因となりますので、リチウム電池やリチウムイオン電池の入っているものは、取り外し可能な場合、必ず取り外して出してください。(リチウムイオン電池・乾電池は有害ごみで出して下さい)

Vui lòng dán băng keo nhựa lên các điện cực của pin lithium ion, đồng thời tách chúng ra khỏi các loại pin khô khác và thải bỏ chúng như chất thải nguy hại.
　リチウムイオン電池は電極部分にビニールテープを貼り他の乾電池と分けて有害ごみで出してください。

Để bảo tồn tài nguyên, thùng này được tạo ra từ giấy tái chế.　資源保護のため再生紙でつくられています。

ベトナム語

CĐ : Rác cháy được もえるごみ,　**CL** : Rác chôn lấp うめたてごみ,　**TN** : Rác tài nguyên しげんごみ,　**ĐH** : Rác độc hại ゆうがいごみ,　**CK** : Rác cồng kềnh おおがたごみ
CH : Cửa hàng みせ,　**Aki** : Trung tâm vệ sinh Aki あきくりーんせんたー,　**4A** : Danh mục 4 đồ điện gia dụng かでん４ひんもく　**TT** : Thùng thu gôm đồ điện gia dụng loại nhỏ こがたかでんぽっくす
Trường hợp không được ghi ở đây, vui lòng xem tại “Hướng dẫn Cách vứt rác Bản lưu trữ” đính kèm (ngoài ra, hướng dẫn cũng có tại Tòa thị chính, Trung tâm Môi trường, trang chủ). Nếu bạn vẫn còn có điều chưa rõ, vui lòng liên hệ Trung tâm Môi trường.
ここに掲載されていない場合は、別冊の「保存版ごみの出し方ガイドブック」をご覧ください（役場、環境センター、HP にもあります）。それで不明の場合は環境センターへお問い合わせください。

Ắc quy ばってりー	CH	Chiếu rơm ござ (từ 50cm trở lên)	CK	Gỗ (cây cột) もくざい nếu có một số lượng lớn	Doanh nghiệp được cấp phép	Pin cúc áo ぼたんでんち	ĐH
Album ảnh あるばむ (có gắn kim loại)	TN	Chiếu tatami たたみ (trực tiếp chuyển đến Trung tâm vệ sinh Aki nếu vứt từ 3 tấm trở lên)	CK	Hộp đựng quần áo いしょうけーす	CK	Pin khô かんでんち	ĐH
Album あるばむ (không có kim loại) (có gắn kim loại là rác tài nguyên)	CĐ	Cỏ くさ (tối đa 2 túi: khoảng 45l)	CĐ	Hộp kẹo かしばこ (bằng giấy) * Có dính mùi và chất bẩn là rác cháy được	TN	Pin lithium-ion りちうむいおんでんち (Dán băng keo nhựa vào phần điện cực)	ĐH
Ấm nước やかん	TN	Cỏ くさ (trường hợp vứt nhiều, hãy chia thành nhiều lần để vứt, hoặc trực tiếp chuyển đến Trung tâm vệ sinh Aki)	Aki	Hộp kẹp かしばこ (bằng kim loại)	TN	Pin mặt trời たいようこうぱねる Vui lòng liên hệ cửa hàng bán mặt hàng này	CH
Bàn sưởi Kotatsu こたつ	CK	Cốc こっぷ (đồ thủy tinh, sành sứ)	CL	Hộp khăn giấy てぃっしゅのはこ (bộ phận bằng nhựa vinyl thì là rác cháy được)	TN	Pin NiCd にかどでんち (Dán băng keo nhựa vào phần điện cực)	ĐH
Bàn thờ Phật, bệ thờ ぶつだん・さいだん (bao gồm cả các vật dụng thờ Phật)	CH	Đàn piano ぴあの (bàn phím là rác tài nguyên)	CH	Hộp quẹt らいたー (trăm yên) đã sử dụng hết	TN	Pin sạc loại nhỏ こがたじゅうでんしきでんち (NiCd, lithium-ion, v.v...) (Dán băng keo nhựa vào phần điện cực)	ĐH
Băng cát-sét かせっとてーぷ	CĐ	Dao ないふ (bao phần lưỡi dao lại bằng giấy hoặc vải)	TN	Két sắt きんこ (có thể tự chuyển đổi với két sắt cầm tay)	CH	Pin thủy ngân すいぎんでんち	CH
Băng video びでおてーぷ	CĐ	Đất trồng はちつち	CL	Khay とれい (thực phẩm) (khay màu trắng là rác tái chế)	CĐ	Quần áo cũ ふるぎ (bao gồm áo len dài tay, kimono)	TN
Bếp ga こんろ (từ 50cm trở xuống là rác tái chế)	CK	Dầu chiên tempura てんぷらあぶら (thấm vào giấy, v.v...)	CĐ	Khăn chăn タオルケット	TN	Quạt điều hòa れいふうき	CH
Bình chữa cháy しょうかき	CH	Dầu hỏa とうゆ	CH	Lịch かれんだー (bằng giấy)	TN	Quạt máy せんぷうき	CK
Bình ga mini かせっとしきぼんべ (đã sử dụng hết)	TN	Dầu hỏa: còn lại số lượng nhỏ とうゆ (thấm vào trong báo)	CĐ	Lò sưởi すとーぶ (loại bỏ dầu hỏa)	CK	Sách, tạp chí ほん・ざっし	TN
Bình thủy điện でんきぽっと	TN	Dầu あぶら (cho thấm vào giấy báo)	CĐ	Lõi giấy vệ sinh といれっとぺーぱーのしん (bằng giấy)	TN	Sản phẩm nhựa plastic ぷらすちっくせいひん	CĐ
Bình thủy tinh ngâm rượu mơ umeshu (bình thủy tinh ngâm rượu trái cây) うめしゅびん（かじつしゅびん）	CL	Dây cắm nối dài えんちょうこーど	TT	Lon đồ hộp かんづめ (cả nắp)	TN	Sản phẩm từ bê tông こんくりーとせいひん Chuyển đến cho doanh nghiệp xử lý rác thải công nghiệp (tham khảo trang chủ của tỉnh)	CH
Bình xịt すぷれーかん (đã sử dụng hết)	TN	Dây điện でんきこーど	TT	Lon rỗng あきかん (thép, nhôm)	TN	Sào phơi quần áo ものほしざお	CK
Bóng đèn でんきゅう (trừ đèn huỳnh quang)	CL	Đèn huỳnh quang けいこうかん	ĐH	Lon thiếc 1 đầu いっとかん (khoảng 18 lít)	TN	Tã giấy かみおむつ (đã xử lý chất bẩn)	CĐ
Các loại áo len dài tay, quần áo dệt kim せーたー・にっといるい	TN	Đèn LED ＬＥＤでんとう	ĐH	Lốp, mâm xe, vỏ bánh xe たいや、ほいーる、ほいるかばー	CH	Tã lót おむつ (đã xử lý chất bẩn)	CĐ
Các loại dao ほうちょうるい (bao phần lưỡi dao lại bằng giấy hoặc vải)	TN	Đèn trần しーりんぐらいと (Dưới 50 cm: TN)	CK	Màn かーてん	CK	Tấm bạt nhựa màu xanh ぶるーしーと (gấp và buộc lại dài từ 50cm trở lên là rác cồng kềnh)	CĐ
Các loại dầu おいるるい	CH	Đèn cảm biến せんさーらいと	TT	Mành tre すだれ (từ 50cm trở lên)	CK	Tấm thạch cao せっこうぼーど Chuyển đến cho doanh nghiệp xử lý rác thải công nghiệp (tham khảo trang chủ của tỉnh)	CH
Các loại dây ひもるい (CĐ: từ 50cm trở xuống) cháy được (CK: từ 50cm trở lên)	CĐ	Điện thoại di động けいたいでんわ (PHS, điện thoại thông minh, điện thoại)	TT	Mành tre すだれ (từ 50cm trở xuống)	CĐ	Tấm thớt まないた	CĐ
Các loại thuốc やくひんるい	CH	Đồ chơi おもちゃ (chỉ đồ nhựa)	CĐ	Máy ảnh かめら	TN	Tập hồ sơ ふぁいる (có gắn kim loại)	TN
Cần câu つりざお	CK	Đồ chơi おもちゃ (đồ nhựa có kèm kim loại)	TN	Máy cạo râu しぇーばー	TT	Tập hồ sơ ふぁいる (không có kim loại)	CĐ
Can đựng dầu hỏa とうゆかん (nhựa)	CK	Đồ đựng bằng nhựa ぽりようき (từ 50cm trở lên)	CK	Máy cat-set radio, radio らじかせ・らじお	TT	Thảm ghép trải sàn じょいんとしきふろあまっと	CĐ
Cặp かばん (Nếu có thể tháo ra kim loại thì coi là rác tái chế, nếu không thể tháo ra được thì coi là rác đốt cháy được)	CĐ	Đồ đựng bằng nhựa ぽりようき (từ 50cm trở xuống)	CĐ	Máy chơi game cầm tay こがたげーむき	TT	Thảm trải sàn nhỏ じゅうたん	CK
Cặp chống gù lưng らんどせる	TN	Đồ gia dụng かぐ	CK	Máy điều hòa えあこん	4A	Thiết bị chiếu sáng しょうめいきぐ (từ 50cm trở lên là cồng kềnh)	TN
Cát vệ sinh ぺっとのすな (sau khi đã xử lý phân)	CĐ	Đồ gốm (nồi, dao, v.v.) せらみっくるい（なべ、ほうちょう、など）	CL	Máy giặt せんたくき	4A	Thú nhồi bông ぬいぐるみ	CĐ
Cây cắt tỉa trong vườn せんていにわき (chiều dài từ 50cm trở xuống, dày từ 5cm trở lên, tối đa 2 túi) (trường hợp vứt nhiều, hãy chia thành nhiều lần để vứt, hoặc trực tiếp chuyển đến Trung tâm vệ sinh Aki * Chú ý: cắt thành từ 150m trở xuống)	CĐ	Đồ gốm (bát trà, đĩa, tách trà, v.v.) とうき（ちゃわん、さら、ゆのみなど）	CL	Máy hút ẩm じょしつき	CH	Thùng xốp はっぽうすちろーる (vứt sau khi đã cắt nhỏ lại thành tấm từ 50cm trở xuống.)	CĐ
Cây nước nóng lạnh うぉーたーさーばー	CH/ Cửa hàng xử lý	Động cơ えんじん (xe máy, máy cắt cỏ, v.v...)	CH	Máy làm nước lạnh れいすいき	CH	Thuốc lá dạng đốt nóng かねつしきたばこ (thuốc lá điện tử)	CH
Cây vườn にわき (tham khảo cột cây cắt tỉa trong vườn)	CĐ	Đồng hồ とけい	TT	Máy nghe nhạc ぷれーやー (CD, DVD, video, MD, v.v...)	TT	Thủy tinh chịu nhiệt たいねつがらす	CL
CD, CDR, DVD	CĐ	Dù かさ (có thể để nguyên)	TN	Máy sấy tóc どらいやー	TT	Tờ quảng cáo こうこく (bao gồm tờ gấp kèm trong báo)	TN
Chai đựng gia vị ちょうみりょうびん (tháo nắp, rửa sạch bên trong)	TN	Dụng cụ ăn uống thủy tinh がらすしょっき	CL	Máy tính bỏ túi でんたく	TT	Tờ rơi ちらし (quảng cáo trên báo)	TN
Chai lọ mỹ phẩm けしょうひんびん	CL	Gậy đánh golf ごるふくらぶ	CK	Máy tính xách tay のーとぱそこん (bao gồm cả máy tính bảng)	TT	Tro はい (làm ẩm bằng nước)	CL
Chai nhựa PET ぺっとぼとる (đã tháo nắp và nhãn)	TN	Ghế いす	CK	Máy tính ぱそこん (màn hình máy tính để bàn chỉ)	Nhà sản xuất máy tính	Tủ lạnh, tủ đông れいぞうこ・れいとうこ	4A
Chai thuốc くすりびん (* ống thủy tinh ampoule là rác chôn lấp)	TN	Giá phơi quần áo ものほしだい (Chuyển bộ phận bê tông của để đến doanh nghiệp xử lý rác thải công nghiệp)	CK	Máy tính ぱそこん (xách tay)	TT	Tủ ngăn kéo せいりだんす	CK
Chai, lọ thủy tinh がらすびん	TN	Giày くつ (Nếu có thể tháo ra kim loại thì coi là rác tái chế, nếu không thể tháo ra được thì coi là rác đốt cháy được)	CĐ	Miếng bọt biển すぽんじ	CĐ	Túi giấy (túi đựng gạo) かみぶくろ（こめぶくろ）	TN
Chăn futon ふとん	CK	Giấy bạc あるみほいる (chỉ dùng để nấu ăn)	CĐ	Miếng dán giữ nhiệt Kairo dùng một lần つかいすてかいろ (đã sử dụng xong)	CĐ	Tủ cất rượu わいんせらー	CH
Chăn もうふ	TN	Giấy báo, tờ rơi quảng cáo しんぶんし・おりこみこうこく	TN	Móc treo はんがー (kim loại)	TN	TV てれび	4A
Cháo ふらいぱん	TN	Giấy dày あつがみ (hộp kẹo, v.v...)	TN	Mũ bảo hiểm へるめっと (Không bao gồm mũ dùng cho công trường)	CK	Vỉ trứng たまごぱっく	CĐ
Chất cách nhiệt だんねつざい Chuyển đến cho doanh nghiệp xử lý rác thải công nghiệp (tham khảo trang chủ của tỉnh)	CH	Giấy gói, áp phích (bằng giấy) ほうそうし・ぽすたー	TN	Nắp chai nhựa PET ぺっとぼとるのふた Rác cháy được, Thùng thu hồi nắp sinh thái	CĐ	Vỏ hộp sữa ぎゅうにゅうぱっく	TN
Chất tạo khói くんえんざい (bỏ trong lon) (* nếu làm bằng nhựa thì là rác cháy được)	TN	Hóa chất nông nghiệp のうやく	CH	Nệm まっとれす	CK	Vỏ sò かいがら	CĐ
Chậu cây うえきばち (Đồ sứ)	CL	Giày thể thao うんどうぐつ (có gắn kim loại là rác tái chế)	CĐ	Nhiệt kế たいおんけい (nhiệt kế điện tử cho vào thùng đồ điện gia dụng loại nhỏ)	ĐH	Xe くるま (cả bộ phận)	CH
Chậu cây うえきばち (nhựa) (từ 50cm trở lên là cồng kềnh)	CĐ	Giấy vẽ がようし	TN	Nồi なべ	TN	Xe ba bánh さんりんしゃ	CK
Chén uống trà ちゃわん (đồ sành sứ)	CL	Gối zabuton ざぶとん (có chứa sợi cotton)	CK	Ống cao su ごむほーす (cắt thành đoạn từ 50cm trở xuống)	CĐ	Xe máy ばいく	CH
Chén uống trà ちゃわん (nhựa)	CĐ	Giấy hỗn hợp ざつがみ	TN	Ống ほーす (cắt thành đoạn từ 50cm trở xuống, nếu là trạng thái cong thì là rác cồng kềnh)	CĐ	Xi măng せめんと	Doanh nghiệp được cấp phép
Chiếu rơm ござ (trong vòng 50cm)	CĐ	Gỗ き (độ dài từ 50cm trở xuống, độ dày từ 5cm trở xuống)	CĐ	Phân bón ひりょう	CH	Máy in laser れーざーぷりんたー	CH